

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ- ST

Ngày 26 - 10 - 2018

“V/v: tranh chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và bà Phan Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Cù Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2018/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1977

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị Đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1959

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 5 năm 2018, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là Bà Dương Thị N trình bày: Trước khi kết hôn với bà Ông Hoàng Văn H đã có đời vợ, năm 2007 vợ ông H chết. Sau đó bà và ông H đến với nhau, đăng ký kết hôn ngày 23/7/2013 tại UBND xã Nam Viêm (nay là phường Nam Viêm), thành phố Phúc Yên, tỉnh

Vĩnh Phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn bà về làm dâu và sống chung với ông H tại tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu bà và ông H chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không thông cảm và hiểu cho nhau. Đặc biệt là việc ông H đã có con riêng với người vợ trước, cuộc sống phát sinh rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến quan hệ vợ chồng rất căng thẳng. Vợ chồng cứ cãi nhau là ông H nói: “không ở được thì giải tán”, vì cuộc sống quá mệt mỏi và căng thẳng nên tháng 12/2017 bà đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã C sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân bà và ông H đều không quan tâm đến nhau, không có hướng để đoàn tụ. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thanh M, sinh ngày 05/4/2014, hiện đang sinh sống cùng bà. Ly hôn quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M, bà không đề nghị ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà đang bán hàng khô ở chợ xã C, thành phố P thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bố mẹ đẻ bà có nhà cửa đàng hoàng, tạo mọi điều kiện về nơi ăn chốn ở cho mẹ con bà.

Về quan hệ tài sản: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong Biên bản lấy lời khai bị đơn Ông Hoàng Văn H bày: Ông xác nhận quá trình kết hôn và vợ chồng chung sống như bà N trình bày là đúng. Trước khi kết hôn với bà N ông đã có một đời vợ, năm 2007 vợ ông chết. Vợ ông chết để lại 04 người con, hiện các con của ông đã thành niên và có cuộc sống riêng. Theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, tháng 12 năm 2017 bà N tự ý đưa con về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã C sinh sống cho đến nay. Ông đã nhiều lần lên đón bà N về nhưng bà không về nên ông đành chịu. Nay bà N có đơn xin ly hôn ông mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng nếu bà N vẫn cương quyết xin ly hôn ông đồng ý ly hôn bà N.

Về con chung: Ông H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thanh M, sinh 05/4/2014 hiện nay đang sinh sống cùng bà N. Ly hôn ông nhất trí để bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã báo gọi ông ra làm việc nhiều lần, nhưng vì điều kiện ông bị ốm đau hay mệt mỏi, nên không ra được. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, các thông báo hòa giải và ông H đều nhận nhưng không ra Tòa làm việc.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Cho Bà Dương Thị N được ly hôn Ông Hoàng Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thanh M, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2014 cho Bà Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà N, ông H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 17 tháng 5 năm 2018 Bà Dương Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] . Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[3]. Về nội dung vụ án, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét đơn xin ly hôn của Bà Dương Thị N với Ông Hoàng Văn H. Hội đồng xét xử thấy: Bà N và ông H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 23/7/2013 tại UBND phường Nam Viêm, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trong vụ án này bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không thông cảm hiểu cho nhau và vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên bà đưa con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12/2017, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Ông H mặc dù cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng ông cũng xác nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay. Ông H và bà N đã sống ly thân nhau, mỗi người sinh sống một nơi đã được gần một năm, nhưng đến nay vẫn chưa hàn gắn được chuyện tình cảm vợ chồng. Bà Dương Thị N xin ly hôn, Tòa án đã báo gọi ông H đến để hòa giải, nhưng ông H không hợp tác không đến Tòa án làm việc. Quan điểm của ông H muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng nếu bà N vẫn kiên quyết ly hôn ông cũng nhất trí. Từ đó cho thấy ông H thực sự không quan tâm đến tâm tư tình cảm của bà N, tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà N đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận cho bà N ly hôn ông H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung là Hoàng Thanh M sinh ngày 05/4/2014 hiện đang ở cùng bà N. Từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay cháu M vẫn sinh sống cùng bà N tại nhà mẹ đẻ có chỗ ở ổn định và bà N cũng có thu nhập. Nên ly hôn cần tiếp tục giao cháu M cho bà N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp cần chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không đề nghị, nên giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử

1. Cho Bà Dương Thị N được ly hôn Ông Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thanh M sinh ngày 05/4/2014 (hiện đang ở cùng bà N) cho Bà Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc lao động tự túc được. Ông Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà N; ông H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn đề nghị.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Dương Thị N phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đó nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0003568 ngày 30 tháng 5 năm 20178 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên; bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án thành phố Phúc Yên;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHIÊN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Thị Thúy

